

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-PT

Ngày: 16/01/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLPT-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2023. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Quốc H – Luật sư CT Luật TNHH Hải Anh và cộng sự, địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N3, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hà Trọng Q, sinh năm 1961, địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N4, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là bị đơn trong vụ án, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:

Ngày 15/12/2018, bà Nguyễn Thị N vay của bà Trịnh Thị T số tiền 58.660.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng và hẹn ngày 19/12/2018 trả. Ngày 22/12/2018, bà Nguyễn Thị N vay tiếp 130.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng và hẹn ngày 30/6/2020 trả. Đến ngày 30/6/2020 hai bên tính lãi là 81.000.000 đồng và thỏa thuận ngày 30/12/2020 là ngày trả nợ.

Ngày 22/11/2020, hai bên chốt tổng số tiền là 269.600.000 đồng, hẹn đến ngày 30 bà N sẽ trả nợ. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà N vẫn chưa trả tiền cho bà T. Do đó bà Trịnh Thị T khởi kiện yêu cầu bà N trả 269.600.000 đồng và lãi từ ngày 01/01/2021 theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/4/2023, bà Trịnh Thị T rút phần yêu cầu với số tiền 81.000.000 đồng, yêu cầu bà N trả 188.600.000 đồng và trả lãi tính từ ngày 22/12/2018 theo quy định của pháp luật

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 25/12/2017, bà có vay của bà Trịnh Thị T 450.000.000 đồng, lãi suất 3000đ/triệu/ngày. Sau đó, tháng 3/2018, bà thế chấp quyền sử dụng đất tại ngân hàng để vay tiền và đã trả nợ cho bà T 300.000.000 đồng; đến tháng 7/2018 bà tiếp tục trả cho bà T 90.000.000 đồng; tháng 8/2018 bà trả cho bà T 100.000.000 đồng. Tính đến tháng 8/2018 bà đã trả tổng cộng 490.000.000 đồng. Từ tháng 8/2018 đến 12/2018, hai bên chốt số tiền gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi là 58.660.000 đồng. Từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2020 do không trả được nợ nên bà đã chốt lại lãi với bà T là 81.000.000 đồng. Từ đó tổng số tiền bà nợ tính đến tháng 12/2020 là 269.600.000 đồng.

Bà N thừa nhận chữ viết và chữ ký tại các giấy vay tiền do bà T cung cấp đều là chữ viết và chữ ký của bà N.

Đối với giấy vay tiền có nội dung “ Ngày 22/12 DL 2018, em N có nhận vay số tiền là 130.000.000 chẵn” và “ngày 15 tháng 12 DL: 2018 có vay (58.660.000, hẹn ngày 19/12 trả”: Theo bà N tại giấy này số tiền 58.600.000 đồng là tiền lãi của số tiền gốc 130.000.000 đồng tính từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018, với mức lãi suất ng 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Giấy này, bà N viết cùng một thời điểm ngày 22/12/2018, tại nhà bà T nhưng vì tiền gốc và tiền lãi khác nhau nên tách ra thành hai ngày khác nhau. Bà T có yêu cầu viết cộng gộp lại thành tiền gốc trên giấy vay này nhưng bà N không đồng ý nên sau đó đính chính lại bằng giấy vay khác.

Tại giấy vay tiền thứ hai mà bà T cung cấp có ghi: “Em N có vay số tiền là 130.000.000 gốc, có vay ngày 15/12/2018DL: tính lãi có vay số tiền là 58.600.000 ngày tính 15/12, ngày 15/12/DL 2018 đã tính, tính lãi của 130.000.000” theo bà N có nghĩa là số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng và số nợ lãi là 58.600.000 đồng.

Đoạn 2 có ghi: “Từ 22/tháng 12-2018DL đến 30/6DL(2020) lãi suất 3,5% trên tháng, đã tính số tiền là 81.000.000” có nghĩa là tiền lãi của 130.000.000 đồng tính từ ngày 22/12/2018 đến ngày 30/6/2020 là 81.000.000 đồng, mức lãi suất là 3,5%/tháng.

Đoạn 3 có ghi: “(Hai bên đã cộng tổng) tổng cả lãi và gốc thống nhất 269.600.000, hạn 30/12DL.2020 cha” theo bà N có nghĩa là cộng tổng số tiền gốc 130.000.000đ, tiền lãi 58.600.000đồng và tiền lãi 81.000.000đồng để ra số tiền chốt lại là 269.600.000đồng.

Bà N xác nhận chỉ còn nợ bà T tiền gốc là 130.000.000 đồng tính từ tháng 8/2018, có thỏa thuận lãi suất là 3,5% nhưng hiện nay bà yêu cầu tính lại lãi là 10% năm. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà chỉ đồng ý trả tiền gốc là 130.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 22/12/2018

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Giữa bà T và bà N có quan hệ vay mượn tiền nhiều lần, bà N và bà T chốt nợ gốc tính đến ngày 22/12/2018 là 130.000.000 đồng; đối với số tiền nợ 58.600.000 đồng được ghi vào ngày 15/12/2018 là khoản tiền không có thật, thực tế bà N không vay số tiền này mà là lãi của số tiền vay trước đó. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà N phải trả cho bà T số tiền gốc là 130.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/năm, bác yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 58.600.000 đồng và đình chỉ giải quyết đối với số tiền lãi 81.000.000 đồng mà bà T đã rút.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Hà Trọng Q (chồng của bà T) trình bày: Số tiền cho bà N vay là tiền chung của vợ chồng. Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà T và ông Quang số tiền gốc là 188.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 22/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 20-7-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 219, Khoản 1 Điều 228 và Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 446 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T đối với bà Nguyễn Thị N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả tổng số tiền 298.535.000 đồng, trong đó nợ gốc là 188.600.000 và tiền lãi là 109.938.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trịnh Thị T về việc buộc bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền 81.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/07/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị T đối với số tiền 58.600.000 đồng.

Ngày 03/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia nghĩa

kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Trịnh Thị T số tiền gốc 58.600.000 đồng và lãi suất trên số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Bà Nguyễn Thị N chấp nhận trả nợ cho bà Trịnh Thị T tổng số tiền là 260.000.000 đồng và chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa về khoản tiền phải trả là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án dân thành phố Gia Nghĩa, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành hòa giải, kết quả các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, theo đó bà Nguyễn Thị N chấp nhận trả nợ cho bà Trịnh Thị T tổng số tiền 260.000.000 đồng và chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

[2]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

[3]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên bà Nguyễn Thị N là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị N chấp nhận trả cho bà Trịnh Thị T tổng số tiền là 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N chịu 13.000.000 (*mười ba triệu*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại bà Trịnh Thị T số tiền 6.740.000 (*sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Y, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Z ngày 07/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Y, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS Y;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lương Đức Dương

Nguyễn Hồng Chương

Nguyễn Anh Ứng